

Số: 13/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định lộ trình áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, kiểm định, sử dụng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

2. Quyết định này không áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe mô tô tham gia giao thông đường bộ là xe cơ giới quy định tại điểm e khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số theo quy định của Việt Nam.

2. Xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ là xe cơ giới quy định tại điểm g khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số theo quy định của Việt Nam.

3. Mức khí thải (gồm: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4) là các mức khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Điều 4. Lộ trình áp dụng quy chuẩn khí thải

1. Thời điểm bắt đầu thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ:

a) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2028 đối với các thành phố trực thuộc trung ương còn lại;

c) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2030 đối với các tỉnh còn lại. Tùy theo tình hình thực tế, các tỉnh này có thể quy định áp dụng thời hạn sớm hơn.

2. Xe mô tô sản xuất hoặc nhập khẩu trước năm 2008, áp dụng Mức 1 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

3. Xe mô tô sản xuất hoặc nhập khẩu từ năm 2008 đến hết năm 2016, áp dụng Mức 2 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

4. Xe mô tô sản xuất hoặc nhập khẩu từ năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, áp dụng Mức 3 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

5. Xe mô tô sản xuất hoặc nhập khẩu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, áp dụng Mức 4 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

6. Xe gắn máy sản xuất hoặc nhập khẩu trước năm 2016, áp dụng Mức 1 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

7. Xe gắn máy sản xuất hoặc nhập khẩu từ năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2027, áp dụng Mức 2 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

8. Xe gắn máy sản xuất hoặc nhập khẩu từ ngày 01 tháng 7 năm 2027, áp dụng Mức 4 - Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028, xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phải đáp ứng quy định về khí thải Mức 2 trở lên.

10. Xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông vào “vùng phát thải thấp” của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Thủ đô phải đáp ứng quy định về khí thải theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thực hiện; tuyên truyền, phổ biến để triển khai Quyết định này;

b) Căn cứ tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ, trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.

2. Bộ Xây dựng

a) Xây dựng, hướng dẫn thực hiện quy định về kiểm định, chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy đáp ứng mức khí thải quy định tại Quyết định này; quy định về việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định thể hiện mức khí thải đạt được; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tuân thủ Quyết định này;

b) Chủ trì xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; chia sẻ thông tin cơ sở kiểm định, dữ liệu kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương để thực hiện chức năng quản lý nhà nước và xử phạt vi phạm hành chính;

c) Xây dựng, ban hành quy định về giá tối đa đối với dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của Luật Giá;

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng về hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu sinh học; phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và lộ trình áp dụng mức khí thải quy định tại Quyết định này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu, rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhiên liệu để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này;

b) Chủ trì tổ chức việc kiểm định phương tiện đo khí thải theo quy định của pháp luật về đo lường đáp ứng việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này.

5. Bộ Tài chính

Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế, phí; chính sách hỗ trợ về tài chính trực tiếp, gián tiếp để phát triển cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và hỗ trợ người sử dụng chuyển đổi phương tiện.

6. Bộ Công an

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an các địa phương thực hiện kiểm tra, kiểm soát xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tuân thủ mức khí thải quy định tại Quyết định này; căn cứ dữ liệu kiểm định khí thải để xử lý các trường hợp vi phạm quy định về mức khí thải theo quy định;

b) Chia sẻ dữ liệu đăng ký xe mô tô, xe gắn máy với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác kiểm định khí thải.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Xây dựng phương án phát triển hệ thống các cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu kiểm định trên địa bàn, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

b) Tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn quản lý; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nhiên liệu khi lưu hành trên thị trường;

c) Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu công tác bảo vệ môi trường tại địa phương, trong trường hợp cần thiết có thể xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định ban hành quy định riêng về khu vực, vùng phát thải thấp hoặc hạn chế lưu thông xe mô tô, xe gắn máy; quy định lộ trình áp dụng tại địa phương theo hướng nghiêm ngặt hơn quy định tại Quyết định này, phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; huy động nguồn lực hỗ trợ nhóm người có thu nhập thấp trong việc thay thế phương tiện đã qua nhiều năm sử dụng, có nguy cơ gây ô nhiễm cao khi không đáp ứng mức khí thải trên địa bàn quản lý;

d) Có giải pháp huy động, bố trí nguồn lực để miễn phí kiểm định khí thải lần đầu đối với xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 5 năm 2026.

2. Trong thời hạn 18 tháng kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại các tỉnh, thành phố quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quyết định này, xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông phải thực hiện kiểm định khí thải. Sau thời hạn này, các cơ quan chức năng sẽ tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm theo quy định.

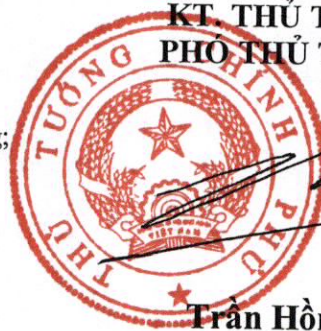
3. Khuyến khích người dân thực hiện việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trước thời hạn quy định thực hiện kiểm định khí thải.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng để nghiên cứu, báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc 70



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà